

Số: /KH-UBND

Hung Yên, ngày tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện chỉ tiêu y tế Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hung Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ UBND tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030, đồng thời góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của tỉnh Hưng Yên nói chung và ngành Y tế nói riêng, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch, nhiệm vụ giải pháp thực hiện chỉ tiêu y tế năm 2026 và các năm tiếp theo như sau:

I. THỰC TRẠNG

Trong phát triển kinh tế-xã hội, ngày càng nhận rõ, con người không chỉ là nguồn lực, là quy mô, tiềm lực của nền kinh tế, mà còn là mục tiêu, kết quả và là trung tâm của sự phát triển bền vững. Với ý nghĩa quan trọng đó, trong hoạch định cũng như đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển đất nước, phát triển con người luôn được chính phủ các nước xác định là một trong những chỉ tiêu đặc biệt quan trọng.

Phát triển con người là quá trình làm tăng khả năng lựa chọn của mỗi người cũng như mức độ đạt được phúc lợi của họ. Trong đó, sự lựa chọn cốt yếu là trường thọ, khỏe mạnh, được học hành và được tận hưởng mức sống tử tế; đồng thời, được bảo đảm về nhân quyền và bình đẳng về chính trị. Để đo lường sự phát triển con người, HDI là thước đo tổng hợp phản ánh sự phát triển của con người trên các phương diện: Sức khỏe (thể hiện qua tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh); tri thức (thể hiện qua chỉ số giáo dục) và thu nhập (thể hiện qua tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người).

Những năm trở lại đây, nhờ những thành tựu phát triển kinh tế-xã hội, chất lượng dân số của Việt Nam cũng như của tỉnh Hưng Yên đã đạt được những thành tựu quan trọng, HDI của Việt Nam đã liên tục tăng từ 0,682 điểm (năm 2016) lên 0,687 điểm (năm 2017); 0,693 điểm (năm 2018); 0,703 điểm (năm 2019); 0,706 điểm (năm 2020); 0,703 (2021). Đặc biệt, trong bảng xếp hạng HDI năm 2022, Việt Nam đã tăng 8 bậc từ vị trí 115 lên vị trí 107, tiếp tục nằm trong số các quốc gia đang phát triển có chỉ số HDI cao. Đó là kết quả của những chính sách đúng đắn, hiệu quả và nỗ lực vượt bậc của Đảng, Nhà nước trong thúc đẩy phục hồi kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội sau đại dịch Covid-19 và tạo mọi điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của người dân Việt Nam.

Theo số liệu tính đến tháng 6/2025 quy mô dân số tỉnh Hưng Yên sau sáp nhập là 3.455.236 người (*sau khi sáp nhập*), trong đó nam 1.699.290 người chiếm 49,0%; nữ 1.755.769 người chiếm 51,0%. Cơ cấu dân số tỉnh Hưng Yên có số người từ 0-14 tuổi là 612.724 người, chiếm 17,8% tổng dân số; số người

trong độ tuổi lao động (15 - 60 tuổi) 2.087.161 người chiếm 60,40% tổng dân số; số người trên 60 tuổi trở lên 755.351 người chiếm 21,8% tổng dân số, tỷ lệ này cao hơn đáng kể so với mặt bằng chung của cả nước (*cả nước là 13,89% số người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên*); số người trên 65+ tuổi là 552.176 người chiếm 15,86% dân số. Cơ cấu dân số tiếp tục chuyển dịch theo hướng già hóa, đặt ra yêu cầu tăng cường các chính sách chăm sóc sức khỏe, an sinh xã hội cho người cao tuổi (*theo số liệu của CCDS&TE*). Dân số chủ yếu sống ở nông thôn chiếm 82,3% (*theo số liệu của Chi cục Thống kê tỉnh*), việc phân bố dân cư không đồng đều ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp cận dịch vụ dân số – y tế. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hiện nay là 0,78% dân số (*theo số liệu CCDS&TE tỉnh*). Chất lượng dân số ngày càng được nâng cao: Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi là 2,37‰; Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi là 3,31‰; Tỷ lệ suy dinh dưỡng (*chiều cao/tuổi*) trẻ dưới 5 tuổi là 16,2%; Tỷ suất tử vong mẹ/100.000 ca đẻ sống <30; Tỷ lệ bà mẹ được sàng lọc, chẩn đoán trước sinh trên 80%; Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát, chẩn đoán sơ sinh trên 80% so với kế hoạch giao; Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm đạt trên 80%. Tuổi thọ bình quân là 75,6 tuổi; số năm sống khỏe của người dân là 68 tuổi.

Tổ chức mạng lưới cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản từ tỉnh đến cơ sở đã từng bước củng cố, phát triển cung cấp đầy đủ, kịp thời, thuận tiện các dịch vụ Dân số cho nhân dân. 100% Trạm Y tế xã có nữ hộ sinh đảm bảo cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau sinh; trên 3.800 người kiêm cộng tác viên Y tế - Dân số thôn, tổ dân phố; các Bệnh viện Đa khoa có Khoa lão khoa; 02 Trung tâm Dưỡng lão (*Trung tâm An Thái tại khu vực Vũ Thư và Trung tâm Dưỡng lão Phúc thọ thuộc Bệnh viện đa khoa Phước Hải*).

Hiện nay cả tỉnh có 3.914 bác sĩ, tỷ lệ số bác sĩ/1 vạn dân đạt 12,1 bác sĩ, thấp hơn 2,9 bác sĩ so với cả nước (15 bác sĩ năm 2025). Thực tế, phân bố bác sĩ không đều và thiếu hụt bác sĩ chuyên khoa, nhiều trạm y tế xã không có bác sĩ cơ hữu hoặc chỉ có một bác sĩ phải kiêm nhiệm nhiều phần việc do cơ chế, chính sách hiện hành chưa đủ mạnh.

Tính đến thời điểm hiện tại, toàn tỉnh có 37 cơ sở y tế công lập có giường bệnh (gồm 17 bệnh viện tuyến tỉnh, 20 bệnh viện đa khoa khu vực) với quy mô 8.620 giường và 16 bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tư nhân với quy mô 2.085 giường bệnh. Trong giai đoạn 2021 - 2025, đã có 13/37 cơ sở y tế công lập được đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh. Sau đầu tư, nâng tổng số giường bệnh theo thiết kế lên 4.736 giường, tăng 1.226 giường so với năm 2020 góp phần đưa chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội (số giường bệnh/10.000 dân) tỉnh Hưng Yên từ 30,0 (năm 2020) lên 39,8 (năm 2025), cao hơn trung bình cả nước; đồng thời, vượt mục tiêu được giao tại Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 19 (2021 – 2025).

Tuy nhiên, từ năm 2020 đến nay nhiều chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước và Chính phủ được ban hành hoặc điều chỉnh, sửa đổi để phù hợp với thực tiễn công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân trong tỉnh

hình mới như: Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023; Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới. Đặc biệt, sau tác động của đại dịch COVID-19 nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh của người dân trong và ngoài tỉnh tại các cơ sở y tế ngày càng tăng cao; quy mô giường bệnh được giao hàng năm và quy mô giường bệnh thực tế theo số bệnh nhân điều trị nội trú tại các cơ sở y tế công lập đã vượt nhiều so với thiết kế.

Thực trạng tỷ lệ giường bệnh Việt Nam đang tăng dần và tiến gần các mục tiêu đề ra, với kết quả năm 2024 đạt khoảng 32,5 giường/10.000 dân và 33 giường/10.000 dân vào năm 2025 nhưng vẫn thấp hơn so với mức trung bình của thế giới, chủ yếu tập trung ở bệnh viện công và còn khoảng cách về giường bệnh tư nhân. Tại Hưng Yên số giường bệnh/1 vạn dân tăng từ 36,9 giường năm 2020 lên 39,8 giường năm 2025, trong đó giường tư nhân đạt 13%.

Hiện nay các nhóm đối tượng bắt buộc khám sức khỏe định kỳ theo quy định của pháp luật là 1.839.466 người đã và đang thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm, cụ thể: (1) Cán bộ công chức, viên chức là 44.526 người, đối tượng này được khám, quản lý sức khỏe định kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 2, Khoản 1 Điều 21 Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015; (2) Người lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phải khám sức khỏe theo Luật Lao động là 442.916 người, trong đó có 3.527 người đang làm việc tại các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản (*niên giám thống kê năm 2024*), đối tượng này được khám, quản lý sức khỏe định kỳ theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015: “Điều 21. Khám sức khỏe và điều trị bệnh nghề nghiệp cho người lao động: 1. Hằng năm, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe ít nhất một lần cho người lao động; đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, người lao động là người khuyết tật, người lao động chưa thành niên, người lao động cao tuổi được khám sức khỏe ít nhất 06 tháng một lần.”; (3) Đối tượng học sinh là 600.866 người (*niên giám thống kê năm 2024*), đối tượng này được khám, quản lý sức khỏe định kỳ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 Quy định về công tác y tế trường học và Thông tư 23/2017/TT-BYT ngày 15/5/2015 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em; tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng.

Người có công và người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên đến trên 80 tuổi có 734.084 người (theo báo cáo của Chi cục Dân số), theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: “*Khám sức khỏe định kỳ người cao tuổi được thực hiện ít nhất một lần một năm (01 lần/năm)*”), với mục tiêu tại Quyết định số 383/QĐ-TTg ngày 21/02/2025 của Thủ tướng Chính

phủ giai đoạn 2025-2030 là: “ít nhất 90% người cao tuổi được chăm sóc sức khỏe ban đầu kịp thời, khám sức khỏe định kỳ, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe; 100% người cao tuổi khi ốm đau, dịch bệnh được khám chữa bệnh và được hưởng sự chăm sóc của gia đình và cộng đồng”. Số lượng bệnh nhân được khám theo dõi hàng tháng: huyết áp là 41.867 người, tiểu đường là 58.798 người.

Đối tượng hiện chưa có các quy định bắt buộc khám sức khỏe định kỳ là 1.226.572 người, đối tượng này chưa thực hiện khám sức khỏe định kỳ, chỉ đi khám chữa bệnh khi có dấu hiệu bệnh hoặc một số rất nhỏ khám kiểm tra sức khỏe chủ động; Số người lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc tại các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản là 331.400 người (niên giám thống kê năm 2024); Người dân trong độ tuổi lao động tự do, không đi làm và người dân khác không thuộc các nhóm trên là 895.172 người (niên giám thống kê năm 2024).

Theo báo cáo kết quả đến ngày 31/10/2025, số người tham gia BHYT trên địa bàn tỉnh là 2.787.164 người, tăng 13.335 người (0,5%) so với năm 2024, đạt 93,2% theo kế hoạch Bảo hiểm xã hội Việt Nam giao. Dự kiến đến hết tháng 12/2025 đạt tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế là 95,02%, hoàn thành chỉ tiêu Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Nâng cao chỉ số phát triển con người của tỉnh Hưng Yên, phấn đấu chỉ số HDI thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước. Chăm lo phát triển con người một cách toàn diện, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân, phát huy nội lực và tiềm năng của tỉnh Hưng Yên, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, góp phần tích cực thực hiện thắng lợi chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong những năm tới, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, sức khỏe, giáo dục và thu nhập bình quân đầu người, lấy con người làm trọng tâm phát triển kinh tế-xã hội địa phương. Cải thiện chất lượng chăm sóc sức khỏe và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao.

Xây dựng và phát triển quy mô giường bệnh của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đồng bộ, hiện đại tương xứng với tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh của người dân trong và ngoài tỉnh. Đồng thời làm căn cứ cho các cơ sở y tế xác định nhu cầu phát triển chuyên môn kỹ thuật, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và huy động các nguồn lực tài chính, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đảm bảo cho mọi người dân tiếp cận đầy đủ và thuận lợi với các dịch vụ khám, chữa bệnh tại các tuyến, đáp ứng mục tiêu công bằng, hiệu quả và phát triển.

2. Mục tiêu cụ thể

Chỉ tiêu đại hội

- Chỉ số phát triển con người HDI đạt 0,769 năm 2026 và 0,79 vào năm 2030.

- Tuổi thọ trung bình: đạt 76 tuổi vào năm 2026 và đạt >76,8 tuổi đến năm 2030, trong đó số năm sống khỏe đạt 68,5 tuổi vào năm 2026 và 70 năm đến năm 2030.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 1% đến trên 1%.

- Đạt 40 giường bệnh/vạn dân vào năm 2026 và đạt trên 43 giường bệnh/vạn dân đến năm 2030 (gồm 40 giường công lập/vạn dân và 3,0 giường tư nhân/vạn dân).

- Đạt 13 bác sĩ/vạn dân vào năm 2026 và đạt trên 15 bác sĩ/vạn dân đến năm 2030.

- Tỷ lệ người dân được khám sức khỏe định kỳ hằng năm đạt 100%.

- Tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 96% vào năm 2026 và đạt 99% đến năm 2030.

Các chỉ tiêu theo Nghị quyết 72-NQ/TW, của Chính phủ và Bộ Y tế

- Đạt 3 dược sĩ/vạn dân vào năm 2026 và đạt 5 dược sĩ/vạn dân đến năm 2030;

- Đạt 25 điều dưỡng/vạn dân vào năm 2026 và đạt 30 điều dưỡng/vạn dân đến năm 2030;

- Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 85% vào năm 2026 và đạt trên 90% đến năm 2030;

- Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ các loại vắc xin: đạt trên 90% với 14 loại vắc xin vào năm 2026 và đạt $\geq 95\%$ với 14 loại vắc xin đến năm 2030;

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi đạt 16% vào năm 2026 và <14,5 % đến năm 2030;

- Cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét vào năm 2030;

- Trên 50% (năm 2026) và 70% (năm 2030) nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 80% (năm 2026) và 90% (năm 2030) sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất;

- Đạt 100% (năm 2026), duy trì đến năm 2030 người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế được quản lý sức khỏe, khám, chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung; 100% người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi biết thông tin về già hóa dân số, quyền được chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi và các kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (biết cách tự xử lý bước đầu một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi, kiến thức về chế độ dinh dưỡng, chế độ luyện tập phù hợp, lợi ích của việc khám sức khỏe định kỳ góp phần phát huy vai trò của phong trào hỗ trợ, chăm sóc nâng cao sức khỏe người cao tuổi...);

- Ít nhất 50% Bệnh viện đa khoa, Bệnh viện chuyên khoa (*trừ bệnh viện chuyên khoa Nhi, Bệnh viện Phục hồi chức năng*), Bệnh viện Y học cổ truyền có quy mô từ 50 giường bệnh trở lên tổ chức buồng khám riêng cho người cao tuổi tại khoa khám bệnh, bố trí giường điều trị nội trú cho người cao tuổi và 20% các Bệnh viện đa khoa, Bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh có khoa lão khoa;

- 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế; ít nhất 90% người cao tuổi được chăm sóc sức khỏe ban đầu kịp thời, khám sức khỏe định kỳ, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe; 100% người cao tuổi khi ốm đau, dịch bệnh được khám chữa và được hưởng sự chăm sóc của gia đình và cộng đồng;

- Ít nhất 50% số xã, phường có Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau hoặc có các Mô hình Câu lạc bộ Chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; 100% xã, phường có ít nhất 01 Câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và bố trí kinh phí đầu tư cho công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, ngoài ra 80% Câu lạc bộ có Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi;

- Hàng năm, ít nhất 80% người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật được tiếp cận các dịch vụ y tế dưới nhiều hình thức khác nhau; 70% người cao tuổi khuyết tật được sàng lọc, phát hiện các dạng khuyết tật và được can thiệp, phục hồi chức năng; ít nhất 60% số người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, không có người phụng dưỡng được chăm sóc, phục hồi chức năng và trợ giúp phù hợp tại các cơ sở phục hồi chức năng và cơ sở trợ giúp xã hội;

- Ít nhất 50% gia đình có người cao tuổi bị bệnh suy giảm trí nhớ, khuyết tật nặng và có vấn đề khó khăn khác được tập huấn, hướng dẫn, nâng cao nhận thức kiến thức, kỹ năng về chăm sóc, trợ giúp và phục hồi chức năng cho người cao tuổi;

- 90% người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi được cung cấp thông tin về già hoá dân số, quyền được chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi và các kiến thức cơ bản chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Trước những thực trạng trên, để đạt được mục tiêu cải thiện chỉ số y tế duy trì ở nhóm có chỉ số cao và thu hẹp khoảng cách với các tỉnh, thành phố, đòi hỏi Hưng Yên phải có một hệ thống các giải pháp đồng bộ và triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả; đặc biệt là các giải pháp về nâng cao chất lượng đời sống cư dân, tăng cường dịch vụ y tế, giáo dục bởi các lĩnh vực này liên quan trực tiếp đến phát triển con người.

Theo đó, trong lĩnh vực kinh tế, cần đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu nền kinh tế. Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ. Bên cạnh đó, không ngừng nâng cao năng lực, hiệu quả điều hành kinh tế vĩ mô và phương thức quản lý nhà nước; đẩy mạnh phát triển khu vực kinh tế tư nhân, gắn tăng trưởng kinh tế với đảm bảo an ninh, quốc phòng. Cần có những quyết sách mạnh mẽ cải cách hệ thống y tế, giáo dục. Có như vậy, Hưng Yên mới phát triển con người.

Cùng với đó, để cải thiện chỉ số phát triển con người, Hưng Yên cần nâng cao chất lượng y tế, trong đó tập trung nâng cao năng lực y tế dự phòng, y tế cơ sở và y tế gia đình. Trong lĩnh vực giáo dục, cần nhanh chóng khắc phục tình trạng số năm đi học kỳ vọng đang ở mức thấp và tăng chậm hiện nay. Cần khắc phục những hạn chế của các chỉ số này, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng, giáo dục, đào tạo. Tăng tỉ lệ người lao

động đang làm việc qua đào tạo, ứng dụng và phát triển khoa học-công nghệ, nhất là kinh tế số... Đẩy mạnh phát triển giáo dục và đào tạo cả về số lượng và chất lượng. Theo đó, phát triển giáo dục và đào tạo về mặt số lượng sẽ giúp nâng số năm đi học bình quân của người dân, có tác động trực tiếp đến việc cải thiện HDI. Khi chất lượng giáo dục đào tạo được nâng lên sẽ giúp đạt được những mục tiêu xa hơn, bền vững hơn đối với sự tiến bộ cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Nhờ đó, cải thiện trình độ phát triển con người một cách bền vững hơn, chất lượng hơn.

1. Nhiệm vụ về công tác lãnh đạo, chỉ đạo

a) Nâng cao vai trò, nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội về mục tiêu nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh Hưng Yên với mục tiêu “lấy con người làm trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển của tỉnh”.

b) Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ nhằm hoàn thành các mục tiêu của Đề án, cụ thể hóa và lồng ghép trong thực hiện các Kế hoạch, Chương trình hành động...; nâng cao hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả quản lý nhà nước, vai trò, trách nhiệm của các sở ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp nhằm phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trên cơ sở quy hoạch phát triển đô thị, nông thôn mới văn minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; Phát triển văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế chuyên sâu trở thành trung tâm của vùng. Kết hợp chặt chẽ và hài hòa giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội, giảm nghèo bền vững; thu hẹp khoảng cách trình độ phát triển giữa thành thị và nông thôn.

2. Nhiệm vụ về thực hiện các chính sách

a) Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh như: giảm nghèo, lao động, việc làm, thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực...; đồng thời, thường xuyên rà soát, nghiên cứu, đề xuất ban hành các cơ chế chính sách, pháp luật đáp ứng yêu cầu đảm bảo an sinh xã hội, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, phù hợp với định hướng và xu thế phát triển; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng miền; bảo đảm an sinh xã hội, tiến bộ, công bằng xã hội, đặc biệt là đối với người có công, người có thu nhập thấp, đối tượng yếu thế; nâng cao chất lượng sống mọi mặt của nhân dân, bảo đảm hài hòa giữa đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần theo các tiêu chí của “hạnh phúc”; phấn đấu năm 2026 không còn hộ nghèo theo chuẩn quốc gia và giảm nghèo bền vững.

b) Tổ chức, triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách về lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh, nhằm phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả hệ thống y tế của tỉnh như: “Quy định chính sách thu hút bác sĩ về làm việc tại một số đơn vị thuộc tỉnh Hưng Yên”; chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học đối với viên chức các đơn vị

sự nghiệp công lập lĩnh vực Y tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, các Nghị quyết về chính sách hỗ trợ Bảo hiểm Y tế, bảo hiểm Xã hội, quy định giá dịch vụ khám chữa bệnh...); chủ động tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các chính sách nhằm nâng cao chất lượng dân số, chất lượng nguồn nhân lực y tế; không ngừng đổi mới và thực hiện hiệu quả chính sách chăm sóc sức khỏe toàn dân: mở rộng các chương trình bảo hiểm y tế, ưu tiên cho hộ gia đình khó khăn, đảm bảo mọi người dân đều có quyền tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản; phát triển y tế dự phòng: đẩy mạnh các chương trình phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng vắc-xin, và nâng cao nhận thức của người dân về vệ sinh và sức khỏe cộng đồng.

c) Thực hiện chính sách miễn học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi hơn về chính sách miễn giảm học phí, cung cấp học bổng cho học sinh, sinh viên, hỗ trợ tài chính và điều kiện học tập cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, giúp các em không bỏ học vì lý do kinh tế, đảm bảo các em được tiếp cận giáo dục tốt hơn; có cơ chế khuyến khích phát triển giáo dục ngoài công lập, hài hòa lợi ích nhà nước - người dân - người học - nhà đầu tư theo phương châm tất cả học sinh đều được đến trường với chất lượng giáo dục ngày càng tốt hơn.

Thực hiện tốt các chính sách về giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm gắn với thị trường lao động theo hướng mở, liên thông, hiện đại, hội nhập và thích ứng; thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp, người sử dụng lao động tích cực tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề, đào tạo nghề tại nơi làm việc; xây dựng và phát triển các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao, tập trung ưu tiên các lĩnh vực, ngành nghề tỉnh đang cần như công nghiệp chế biến, chế tạo, du lịch, dịch vụ, công nghệ thông tin, an toàn thông tin, điện tử, logistic, kinh tế và dịch vụ cảng biển.

d) Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển các ngành chủ chốt của tỉnh như du lịch, dịch vụ, khai thác cảng biển. Đồng thời phát triển các ngành công nghệ cao và thân thiện với môi trường; Giảm nghèo và tạo việc làm: chính sách hỗ trợ người dân phát triển kinh tế, đặc biệt tại các vùng nông thôn, thông qua các chương trình đào tạo và khởi nghiệp. Tạo điều kiện tiếp cận vốn vay ưu đãi cho các hộ gia đình khó khăn; chính sách tiền lương và bảo hiểm: điều chỉnh chính sách tiền lương tối thiểu và cải thiện các chế độ bảo hiểm xã hội để đảm bảo người lao động có thu nhập ổn định và an toàn lao động. Tăng cường đầu tư vào hệ thống đường xá, cầu cảng và sân bay, nhằm kết nối các khu vực trong tỉnh và với các tỉnh thành khác, tạo động lực cho phát triển kinh tế và xã hội. Thực hiện hiệu quả các chính sách phát triển bền vững, tăng cường quản lý chất thải, bảo vệ rừng và nguồn nước, đồng thời thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo.

3. Nhiệm vụ về tăng chỉ số thu nhập

a) Đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chủ yếu dựa vào tăng năng suất, chất lượng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, sử dụng

hiệu quả các nguồn lực. Tập trung phát triển viễn thông tạo hạ tầng thiết yếu cho phát triển kinh tế số, xã hội số, phục vụ cho chuyển đổi số toàn diện. Phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số, Internet và không gian mạng.

h) Đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội để tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng với nhiều công trình hiện đại, tương xứng với vị thế của tỉnh. Triển khai các quy hoạch kết cấu hạ tầng đảm bảo đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, thương mại, dịch vụ, du lịch, điện, nước, văn hóa, giáo dục, y tế, thông tin truyền thông, hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, hình thành các khu công nghiệp đô thị - dịch vụ - cảng biển - cảng thủy nội địa; nâng cao năng lực hệ thống hạ tầng đô thị, tập trung đầu tư các công trình giao thông công cộng, các công trình đầu mối về cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải.

i) Tạo bứt phá trong phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông; hoàn thành việc chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu số kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia. Xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, đảm bảo năng lực vận hành hoạt động của hệ thống chính quyền số tỉnh Hưng Yên đến năm 2030. Đồng bộ, tích hợp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hệ thống chính quyền điện tử, đám mây tỉnh thông minh với cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin chính quyền số nhằm đảm bảo thống nhất, chia sẻ, tối ưu tài nguyên và quản trị để nâng cao hiệu quả, hiệu lực điều hành các cấp của chính quyền.

4. Nhiệm vụ về tăng chỉ số sức khỏe

4.1. Phát triển chỉ số con người

a) Phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại, đồng bộ, đồng đều, cân đối giữa y tế dự phòng và y tế điều trị, chú trọng y tế cơ sở, bảo đảm tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe với chất lượng ngày càng cao cho mọi người dân, nhất là ở vùng khó khăn, đối tượng yếu thế; Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở; Tăng cường cơ sở vật chất y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến xã, kết hợp hoàn chỉnh hệ thống bảo hiểm y tế toàn dân; phát triển nguồn nhân lực y tế, đầu tư ngân sách cho lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe; phát triển và ứng dụng hiệu quả công nghệ, kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị; thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu về y tế (phòng chống dịch bệnh, phòng chống bệnh không lây nhiễm, tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng...) các dự án y tế, nước sạch vệ sinh môi trường; đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực y tế, khuyến khích phát triển các cơ sở y tế ngoài công lập, góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, giúp người dân có nhiều sự lựa chọn chăm sóc sức khỏe.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe toàn diện để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của người dân. Quan tâm thực hiện các lĩnh vực ưu tiên gồm: dinh dưỡng hợp lý; vận động thể lực; chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh; phòng, chống tác hại của thuốc lá, rượu bia; vệ sinh môi trường; an toàn thực phẩm; phát hiện sớm và quản lý bệnh không lây

nhiệm; chăm sóc, quản lý sức khỏe người dân; sức khỏe người cao tuổi; sức khỏe người lao động.

b) Đẩy mạnh công tác giáo dục, truyền thông và thực hiện có hiệu quả các mục tiêu về giáo dục sức khỏe, dân số - kế hoạch hóa gia đình, đặc biệt ở vùng nông thôn, vùng khó khăn; kết nối và cung cấp các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe cho người dân, đặc biệt là các đối tượng yếu thế: người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, người khuyết tật...

c) Phát triển công nghiệp hóa và đô thị hóa theo hướng xanh, sạch, đẹp, gắn với bảo vệ, giữ gìn môi trường sống, không để ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống, sức khỏe của người dân.

d) Đầu tư phát triển các cơ sở vật chất, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; phát triển các trung tâm văn hóa thể thao, nhà văn hóa, khu thể thao phù hợp theo từng cấp để người dân rèn luyện sức khỏe nâng cao thể lực; tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về rèn luyện thân thể trong cộng đồng và khu dân cư.

đ) Xây dựng các quỹ phúc lợi chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người yếu thế; phát triển các chương trình xã hội như từ thiện, tình thương trong cộng đồng và xã hội.

4.2. Tăng tuổi thọ trung bình, phát triển dân số tự nhiên

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới (*Nghị quyết 21-NQ/TW*); Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW (*sau đây gọi tắt Nghị quyết 137/NQ-CP*); Kết luận 149 KL TW 2025 ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện công tác dân số trong tình hình mới.

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 1679/QĐ- TTg, ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 phê duyệt Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030; Quyết định 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 về việc phê duyệt Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030. Đồng thời, tiếp tục tham mưu UBND tỉnh ban hành về Chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2045 do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 21/02/2025.

- Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng mức sinh đến năm 2025 và định hướng đến 2030 của địa phương; Ủy ban nhân dân các xã, phường, xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch với chỉ tiêu cụ thể để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương trong từng giai đoạn.

- Tăng cường cung cấp thông tin cho cấp ủy chính quyền và người có uy tín trong cộng đồng về những thách thức của già hóa dân số với sự phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt đối với chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Mở rộng các hình thức truyền thông hiện đại để cung cấp thông tin, tư vấn về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi qua các kênh truyền thông (internet, trang điện tử, mạng xã hội ...) và các trang tin có nhiều người cao tuổi truy cập, các trang tin mà người cao tuổi quan tâm.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân số, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

- Củng cố, phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống bệnh không lây nhiễm, khám chữa bệnh cho người cao tuổi; từng bước xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe dài hạn cho người cao tuổi.

+ Nâng cao năng lực cho các Bệnh viện thực hiện khám chữa bệnh, phục hồi chức năng và hỗ trợ kỹ thuật chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

+ Nâng cao năng lực cho Trạm Y tế xã, phường trong việc thực hiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống các bệnh mãn tính (*bệnh không lây nhiễm*) cho người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng.

+ Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi và lập hồ sơ theo dõi sức khỏe người cao tuổi ở các xã, phường điều kiện kinh tế còn khó khăn.

+ Xây dựng và thực hiện thí điểm Mô hình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ban ngày (*tại hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai 4 nghị quyết mới của Bộ Chính trị về Nghị quyết 72 về đột phá tăng cường bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân*); mô hình chăm sóc dài hạn, chăm sóc có thời hạn đối với người cao tuổi; mô hình nhà xã hội an toàn tại cộng đồng cho người cao tuổi, trong đó ưu tiên người cao tuổi cô đơn không có người phụng dưỡng. Tiến hành thí điểm ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần đối với khu vực tư nhân cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn. Đồng thời kêu gọi các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư, hỗ trợ kinh phí mở các Trung tâm Dưỡng lão trên địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng tối thiểu 02 mô hình: Cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người cao tuổi và cơ sở trợ giúp xã hội dưỡng lão.

+ Phát triển Khoa lão khoa tại các bệnh Đa khoa tuyến tỉnh, khu vực có bộ phận lão khoa; mạng lưới cung cấp dịch vụ phát hiện sớm bệnh tật, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng phẫu thuật chỉnh hình, cung cấp dụng cụ trợ giúp cho người cao tuổi.

+ Phát triển mạng lưới nhân viên chăm sóc, thực hiện tư vấn chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi tại nhà và cộng đồng;

+ Xây dựng và phát triển mạng lưới tình nguyện viên tham gia chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; thực hiện quản lý chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, quản lý các bệnh mãn tính, bệnh không lây nhiễm tại gia đình.

- Phát huy vai trò người cao tuổi: Khuyến khích người cao tuổi phát huy

trí tuệ, kinh nghiệm tích cực xây dựng gia đình, dòng họ, cộng đồng xã hội gắn kết, văn minh, nêu gương sáng chí bền cho con, cháu noi theo; Vận động người cao tuổi tham gia các hoạt động văn hóa, chính trị, xã hội tại địa phương; phát triển phong trào người cao tuổi có uy tín trong cộng đồng xây dựng làng văn hóa, phát huy bản sắc dân tộc, xóa bỏ hủ tục lạc hậu.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn cho đội ngũ làm công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho các tình nguyện viên về kỹ năng tư vấn, triển khai các hoạt động tại các Câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và cán bộ liên quan của các Bệnh viện, Trạm Y tế trên địa bàn toàn tỉnh; Tổ chức tập huấn, huấn luyện và hướng dẫn để người cao tuổi tự chăm sóc sức khỏe, thành viên gia đình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Hoàn thiện chính sách pháp luật liên quan đến chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:

+ Tiếp tục triển khai chính sách cho người cao tuổi theo quy định (*Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội; Luật bảo hiểm, trong đó có khám chữa bệnh bảo hiểm, bảo hiểm y tế cho người cao tuổi*);

+ Tạo điều kiện bảo vệ, chăm sóc và phát huy hiệu quả tiềm năng, vị thế, vai trò, kinh nghiệm của người cao tuổi; bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho người cao tuổi phù hợp với yêu cầu của giai đoạn “dân số già”, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước trong kỷ nguyên phát triển triền miên.

+ Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về công tác dân số của các địa phương, đơn vị.

6.4. Phát triển tỷ lệ bác sĩ

Nhân lực y tế đóng vai trò quan trọng để phát triển hệ thống cơ sở y tế, quy mô của mỗi cơ sở y tế và chất lượng dịch vụ y tế, cần quan tâm:

- Tăng cường thu hút và tuyển dụng nhân lực chất lượng cao: Triển khai chính sách ưu đãi tài chính đặc thù: Xây dựng gói hỗ trợ tài chính hấp dẫn (như hỗ trợ học phí, trợ cấp một lần khi nhận công tác, hỗ trợ hằng tháng ngoài lương...) để thu hút các bác sĩ vừa tốt nghiệp và bác sĩ có kinh nghiệm từ nơi khác về tỉnh làm việc; Ưu tiên thu hút bác sĩ chuyên khoa: Tập trung vào các chuyên khoa đang thiếu hụt nghiêm trọng như Hồi sức cấp cứu, Truyền nhiễm, Lao, Tâm thần; Liên kết đào tạo: Ký kết hợp tác chiến lược với các trường đại học y, dược trong khu vực để hỗ trợ các học viên của tỉnh trong quá trình học tập và đặt hàng đào tạo bác sĩ theo nhu cầu và cam kết bố trí việc làm tại tỉnh.

- Đổi mới cơ chế đãi ngộ và cải thiện môi trường làm việc: Nâng cao thu nhập: Giá dịch vụ khám chữa bệnh cần tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế; áp dụng các cơ chế tự chủ tài chính linh hoạt tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập để tăng cường các nguồn thu nhập hợp pháp khác ngoài lương, giúp thu nhập

của bác sĩ tương xứng với cường độ và tính chất công việc; Giảm tải công việc và áp lực: Tuyển dụng thêm nhân viên hành chính, điều dưỡng để giảm bớt gánh nặng công việc không chuyên môn cho đội ngũ bác sĩ; Đầu tư thiết bị: Cải thiện, nâng cao chất lượng điều kiện làm việc bằng cách đầu tư các thiết bị y tế hiện đại, tạo môi trường thuận lợi để bác sĩ phát huy chuyên môn.

- Thúc đẩy vai trò của khu vực y tế ngoài công lập: Khuyến khích đầu tư: Đưa ra các chính sách khuyến khích đầu tư vào các bệnh viện và phòng khám tư nhân, đặc biệt là các cơ sở cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh chất lượng cao, nhằm tạo điều kiện cho khu vực ngoài công lập phát triển mạnh mẽ và đóng góp nhiều hơn vào việc tăng số lượng bác sĩ để phục vụ người dân; Phối hợp công - tư: Xây dựng cơ chế hợp tác công - tư trong đào tạo, chuyển giao kỹ thuật và chia sẻ nhân lực y tế khi cần thiết, đặc biệt trong các trường hợp khẩn cấp.

4.5. Tăng cường bệnh nâng cao chất lượng phục vụ

- Đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng và trang thiết bị cho các cơ sở y tế, trong đó:

+ Về cơ sở hạ tầng: Ngoài việc đầu tư xây dựng tại vị trí mở rộng theo quy hoạch được duyệt cần phải nghiên cứu, xây dựng phương án tháo dỡ các khối nhà cũ đã xuống cấp, thiết kế không còn phù hợp với phát triển chuyên môn kỹ thuật trong giai đoạn hiện nay để giải phóng mặt bằng, xây dựng công trình y tế mới hoặc tạo không gian rộng rãi theo xu hướng thiết kế phát triển bệnh viện xanh - sạch - đẹp và thân thiện với môi trường.

+ Về trang thiết bị: Ưu tiên các trang thiết bị thiết yếu để phát triển kỹ thuật theo phân tuyến, các kỹ thuật mũi nhọn và từng bước đầu tư trang thiết bị, công nghệ hiện đại để phát triển kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý, khai thác sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị y tế để tăng hiệu quả đầu tư trang thiết bị y tế và chất lượng dịch vụ y tế.

- Các cơ sở khám chữa bệnh tập trung phát triển chuyên môn kỹ thuật, ưu tiên phát triển các kỹ thuật mới, kỹ thuật cao; tăng cường ký kết, triển khai các biên bản thoả thuận hợp tác với các bệnh viện, trường đại học trung ương trong và ngoài nước. Riêng các bệnh viện tuyến tỉnh tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án bệnh viện vệ tinh nhằm tranh thủ hỗ trợ từ các bệnh viện trung ương, đồng thời tích cực hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến huyện phát triển kỹ thuật theo phân tuyến của Bộ Y tế; phân đầu đến 2030 tỷ lệ danh mục kỹ thuật được thực hiện theo phân tuyến trung bình toàn tỉnh.

4.6. Thực hiện khám sức khỏe định kỳ

Từ năm 2026, tổ chức phối hợp giữa các hoạt động khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí, kiểm tra sức khỏe của học sinh, sinh viên, khám bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe cho người lao động theo quy định và khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế để khám bệnh miễn phí và hoàn thành việc tạo lập sổ sức khỏe điện tử cho toàn bộ người dân.

4.7. Bao phủ bảo hiểm y tế

Tăng cường tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp để mở rộng và phát triển người tham gia BHXH, BHYT (trong đó tham mưu hỗ trợ đóng BHYT, BHXH tự nguyện đối với một số nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030).

Đề xuất tỉnh hỗ trợ từ ngân sách đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng khó khăn, yếu thế trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, gồm 09 nhóm đối tượng (Đảng viên có từ 30 năm tuổi Đảng trở lên có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh, chưa có thẻ bảo hiểm y tế; Cựu Thanh niên xung phong có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh, chưa có thẻ bảo hiểm y tế; Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo tiêu chí chuẩn cận nghèo theo quy định của Chính phủ, có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh, chưa có thẻ bảo hiểm y tế; Học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; học sinh, sinh viên Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; học sinh, sinh viên thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh, chưa có thẻ bảo hiểm y tế; Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh, chưa có thẻ bảo hiểm y tế; Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 75 tuổi có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh, chưa có thẻ bảo hiểm y tế; Chức việc, chức sắc thuộc tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh, chưa có thẻ bảo hiểm y tế; Người khuyết tật có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh, chưa có thẻ bảo hiểm y tế; và Người tham gia các tổ thu gom rác tại các thôn, khu phố có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh, chưa có thẻ bảo hiểm y tế.).

Đẩy mạnh công tác truyền thông về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đảm bảo linh hoạt, đa dạng, sâu rộng, trọng tâm, trọng điểm đến cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị và Nhân dân; tăng cường sự nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, tạo sự lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội về chính sách ưu việt của Đảng và Nhà nước.

Tích cực phối hợp trong công tác cung cấp, chia sẻ thông tin dữ liệu làm căn cứ rà soát, phân tích, đánh giá các nguồn cần tập trung, đề ra các giải pháp khai thác, đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả; phát triển nhanh, bền vững số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đồng nghĩa với việc giúp đông đảo người lao động, người dân sớm tiếp cận chính sách ưu việt và sớm đạt được lộ trình BHXH, BHYT toàn dân của Đảng và Nhà nước.

Phối hợp với các ngành nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ y tế, tạo điều kiện thuận lợi, tốt nhất cho người dân đi khám bệnh, chữa bệnh BHYT; không ngừng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề, chất lượng KCB BHYT; có các biện pháp căn cơ nhằm ngăn ngừa nguy cơ trục lợi, đảm bảo quyền lợi người bệnh có thẻ BHYT; sử dụng hiệu quả quỹ BHYT.

Tiếp tục nâng cao công tác cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả công tác; tiếp tục đồng bộ ĐDCN/CCCD theo Đề án 06 của Chính phủ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, bệnh án, sổ sức khỏe điện tử; liên thông dữ liệu giữa các sở, ngành, địa phương; thực hiện tốt công tác chuyển đổi số; tích cực phối hợp vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp.

7. Các nhiệm vụ tổng hợp khác

a) Cải cách quyết liệt, thực chất và hiệu quả thủ tục hành chính ở tất cả các cấp. Xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch. Hằng năm, giữ vững vị trí nhóm đầu cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI). Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo hướng sử dụng các nền tảng dùng chung để tiết kiệm chi phí, thời gian, phân đấu hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 4. Bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng; phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm; Đa dạng hóa các loại hình cứu trợ xã hội, tạo nhiều việc làm ở trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu lao động; Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội; Phân phối thu nhập xã hội công bằng, hợp lý.

b) Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, nhằm mục tiêu xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân, nâng cao sự hài lòng của người dân.

IV. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước trong dự toán hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và thực hiện lồng ghép các chương trình, đề án, dự án liên quan theo quy định của pháp luật.

Dự kiến kinh phí thực hiện: **23.280 tỷ đồng**, cụ thể:

- Chỉ tiêu phát triển tuổi thọ trung bình và tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dự kiến: 5 tỷ đồng/ năm để thực hiện tuyên truyền và nhiệm vụ chuyên môn.

- Thực hiện chỉ tiêu bác sỹ/vạn dân dự kiến kinh phí đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn: 3 tỷ/ năm.

- Đối với nhiệm vụ tăng số giường bệnh/vạn dân: Đầu tư xây mới, nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng cho các cơ sở y tế đảm bảo quy chuẩn diện tích sàn là: 11.240 nghìn tỷ đồng thực hiện giai đoạn 5 năm.

- Đối với nhiệm vụ phát triển tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế, mỗi năm ngân sách bố trí kinh phí dự kiến 650 tỷ đồng/năm để thực hiện hỗ trợ các nhóm đối tượng mua bảo hiểm y tế.

- Đối với nhiệm vụ phát triển tỷ lệ người dân được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, mỗi năm ngân sách bố trí kinh phí dự kiến 1.750 tỷ đồng/năm (3,5 triệu dân x 500.000 đồng).

2. Nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn hợp pháp khác của Các đơn vị (để đào tạo chuyên môn, ...): dự kiến 1 tỷ đồng/năm.

3. Các nguồn huy động xã hội hóa, vốn tài trợ, viện trợ và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch gắn với thực hiện các Đề án, Kế hoạch, Chương trình (có liên quan) của Ủy ban nhân dân tỉnh; trong đó thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Sở Tài chính

- Làm đầu mối tổng hợp, lồng ghép các mục tiêu, định hướng phát triển, các khâu đột phá và các giải pháp thực hiện nhằm nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh đến năm 2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của tỉnh đến năm 2030.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương tham mưu UBND tỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế hàng năm đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp nêu trong kế hoạch thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành địa phương có liên quan căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và quy định pháp luật hiện hành.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp nêu trong Kế hoạch thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chủ trì triển khai thực hiện, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ liên quan đến chỉ số giáo dục, cung cấp số liệu liên quan đến tính toán chỉ số HDI.

- Hàng năm, lập dự toán kinh phí triển khai các nhiệm vụ của ngành Giáo dục và Đào tạo nêu trong Kế hoạch trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức các chương trình đào tạo nghề, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động, giúp họ có cơ hội

việc làm tốt hơn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thích ứng với thị trường lao động hiện đại. Triển khai các chương trình trợ giúp xã hội, chương trình giảm nghèo; khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tạo việc làm mới, đảm bảo môi trường làm việc tốt, và nâng cao năng suất lao động.

3. Sở Y tế

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp nêu trong Kế hoạch thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chủ trì triển khai thực hiện, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ liên quan đến chỉ số sức khỏe.

- Chủ trì thực hiện chăm sóc sức khỏe đối với người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật và các đối tượng cần trợ giúp xã hội. Phối hợp quản lý và thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp để đảm bảo an sinh xã hội cho người dân.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, chính sách hỗ trợ đối với hộ nghèo không có khả năng lao động, chỉ số về giáo dục nghề nghiệp.

- Hàng năm, lập dự toán kinh phí triển khai các nhiệm vụ của ngành Y tế nêu trong Kế hoạch trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế xây dựng kế hoạch thu hút và tuyển dụng nhân lực chất lượng cao. Chủ trì tham mưu chính sách đổi mới cơ chế đãi ngộ và cải thiện môi trường làm việc nâng cao thu nhập cho cán bộ ngành y tế.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Trên cơ sở Kế hoạch này và các chương trình, kế hoạch có liên quan; xây dựng kế hoạch thực hiện đảm bảo việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên (đất, nước, biển). Triển khai các chương trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai, bảo vệ cuộc sống và tài sản của người dân, góp phần ổn định kinh tế và nâng cao thu nhập.

Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện các hoạt động giám sát và kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất; xử lý rác thải và chất thải nguy hại; bảo vệ đa dạng sinh học; quản lý nguồn nước để đảm bảo nâng cao tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch theo chỉ tiêu được giao, cung cấp nguồn nước sạch cho sinh hoạt, sản xuất.

6. Thống kê tỉnh: Hàng năm, chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương thống kê, báo cáo công bố các chỉ số của tỉnh theo quy định; cung cấp thông tin, số liệu, hướng dẫn các sở, ngành cách tính toán, thống kê các chỉ số liên quan.

7. UBND các xã, phường: Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương. Đảm bảo bố trí kinh phí dự toán được

giao và các nguồn lực huy động hợp pháp khác đảm bảo các hoạt động thuộc lĩnh vực phụ trách để triển khai có hiệu quả các hoạt động của Kế hoạch. Định kỳ hàng năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện, đề xuất giải pháp thực hiện hiệu quả Kế hoạch gửi Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh xem xét, quyết định.

Nhận Kế hoạch này, yêu cầu các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Nghiêm

DANH MỤC CHỈ TIÊU CỤ THỂ
Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên
lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025 – 2030

STT	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Mục tiêu 2026-2030	KH năm 2026	KH năm 2027	KH năm 2028	KH năm 2029	KH năm 2030
1	Chỉ số phát triển con người HDI		0,79	0,769	0,775	0,780	0,785	0,79
2	Tuổi thọ trung bình	Năm	76,8	76,1	76,3	76,5	76,7	76,8
	Trong đó: thời gian sống khoẻ mạnh tối thiểu	Năm	70	68,5	68,9	69,3	69,8	70
3	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1	1	1	1	1	1
4	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	>15	13	13,5	14	14,5	>15
5	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	> 43	40	41	42	43	> 43
6	Tỷ lệ người dân được khám sức khoẻ định kỳ hằng năm	%	100	100	100	100	100	100
7	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	99	96	96,5	97	97,5	99